

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
của Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 06/GP-UBND ngày 18/01/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh; Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 202/GP-UBND ngày 20/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 153/GP-UBND ngày 07/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1478/TTr-STNMT ngày 07/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hóa theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 153/GP-UBND ngày 07/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hóa.
 - Địa chỉ: thôn Phố Mới, xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.
 - Mã số thuế: 2800228769.

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: Trạm bơm khai thác nước mặt phục vụ hoạt động Nhà máy giấy Lam Sơn tại xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Phục vụ hoạt động sản xuất của Nhà máy giấy Lam Sơn thuộc Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hóa; không thực hiện việc kinh doanh bán nước ra ngoài phạm vi công ty.

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác:

- $G_1 = 40.000$ đồng/ m^3 (đối với nước mặt dùng cho sản xuất phi nông nghiệp);
- $G_2 = 3.000$ đồng/ m^3 (đối với nước mặt dùng cho tạo hơi, vệ sinh công nghiệp).

5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

a) Theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 06/GP-UBND ngày 18/01/2010 và Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 202/GP-UBND ngày 20/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh, sản lượng dùng cho mục đích sản xuất:

$$W_1 = 300 \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 2.259 \text{ ngày} \times 60/365 \text{ ngày} = 111.403 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tính từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 09/11/2023 là 2.259 ngày; chế độ khai thác: 60/365 ngày.

b) Theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 153/GP-UBND ngày 07/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh:

- Sản lượng dùng cho mục đích sản xuất:

$$+ W_2 = 300 \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 143 \text{ ngày} \times 300/365 \text{ ngày} = 35.260 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tính từ ngày 10/11/2023 đến hết ngày 31/3/2024 là 143 ngày; chế độ khai thác là 300/365 ngày.

$$+ W_3 = 673 \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 3507 \text{ ngày} \times 300/365 \text{ ngày} = 1.939.899 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tính từ ngày 01/4/2024 đến hết ngày 09/11/2033 là 3.507 ngày; chế độ khai thác là 300/365 ngày.

- Sản lượng dùng cho mục đích tạo hơi:

$$W_4 = 72 \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 3507 \text{ ngày} \times 300/365 \text{ ngày} = 207.538 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tính từ ngày 01/4/2024 đến hết ngày 09/11/2033 là 3.507 ngày; chế độ khai thác là 300/365 ngày.

- Sản lượng dùng cho mục đích vệ sinh công nghiệp:

$$W_5 = 05 \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 3507 \text{ ngày} \times 300/365 \text{ ngày} = 14.412 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tính từ ngày 01/4/2024 đến hết ngày 09/11/2033 là 3.507 ngày; chế độ khai thác là 300/365 ngày.

6. Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0,2 + 0,1) = 1,6$.

7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

- $M_1 = 1,5\%$ (Mức thu khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp);
- $M_2 = 0,2\%$ (Mức thu dùng cho tạo hơi).

8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

a) Theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 06/GP-UBND ngày 18/01/2010 và Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 202/GP-UBND ngày 20/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh:

$$T_1 = W_1 \times G_1 \times K \times M_1 = 111.403 \text{ m}^3 \times 40.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 1,5\% = 106.946.630 \text{ đồng.}$$

b) Theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 153/GP-UBND ngày 07/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh:

- Đối với mục đích sản xuất:

$$+ T_2 = W_2 \times G_1 \times K \times M_1 = 35.260 \text{ m}^3 \times 40.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 1,5\% = 33.849.863 \text{ đồng.}$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tính từ ngày 10/11/2023 đến hết ngày 31/3/2024; chế độ khai thác là 300/365 ngày.

$$+ T_3 = W_3 \times G_1 \times K \times M_1 = 1.939.899 \text{ m}^3 \times 40.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 1,5\% = 1.862.303.040 \text{ đồng.}$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tính từ ngày 01/4/2024 đến hết ngày 09/11/2033; chế độ khai thác là 300/365 ngày.

- Đối với mục đích tạo hơi:

$$T_4 = W_4 \times G_2 \times K \times M_2 = 207.538 \text{ m}^3 \times 3.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 0,2\% = 1.992.365 \text{ đồng.}$$

- Đối với mục đích vệ sinh công nghiệp:

$$T_5 = W_5 \times G_2 \times K \times M_1 = 14.412 \text{ m}^3 \times 3.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 1,5\% = 1.037.664 \text{ đồng.}$$

c) Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

$$T = T_1 + T_2 + T_3 + T_4 + T_5 = 2.006.129.562 \text{ đồng (Hai tỷ, không trăm linh sáu triệu, một trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng).}$$

Trong đó, phân chia số tiền từng năm phải nộp như sau:

- Số tiền phải nộp năm 2020 (2017 + 2018 + 2019 + 2020) là: 57.616.000 đồng;
- Số tiền phải nộp năm 2021 là: 17.280.000 đồng;
- Số tiền phải nộp năm 2022 là: 17.280.000 đồng;
- Số tiền phải nộp năm 2023 là: 27.317.000 đồng;
- Số tiền phải nộp năm 2024 là: 167.573.000 đồng;
- Hàng năm tiếp theo (2025 - 2032) là: 194.139.000 đồng/năm;
- Số tiền phải nộp năm 2033 (tính từ ngày 01/01/2033 đến hết ngày 09/11/2033) là: 165.951.562 đồng.

9. Phương án nộp tiền: Mỗi năm nộp 01 lần.

10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa.

11. Trường hợp có vướng mắc, Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hóa liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

- Hàng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước ngày 15/12); đồng thời, chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh Thanh Hoá, Sở Tài chính, các ngành và đơn vị có liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hoá:

- Ban hành thông báo đến Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hóa về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách nhà nước, chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này.

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền nộp chậm, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (nếu có) và gửi Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hóa; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành.

- Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12), tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hóa:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hoá; trường hợp chưa nhận được thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phải có trách nhiệm liên hệ với Cục Thuế tỉnh Thanh Hoá để thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hóa gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá để theo dõi.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai thác, sử dụng nước đúng mục đích; tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài

nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ, phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

4. UBND huyện Nông Cống; UBND xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Nông Cống; Chủ tịch UBND xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống; Giám đốc Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTTC_{VN63682}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi